

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: **11/2019/DS – PT**

Ngày 17/2/2020

*V/v tranh chấp bồi thường thiệt
hại do làm ô nhiễm môi trường*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Bùi Kim Rết;**

Các Thẩm phán: Bà **Võ Thị Thanh Phượng**

Ông Võ Văn Toàn

- Thư ký phiên tòa: Bà **Cao Thị Minh** – Thư ký Tòa án tỉnh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Bà **Vũ Thị Mỹ Liên**,
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 17 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 185/2019/TLPT- ngày 17 tháng 10 năm 2019 về “tranh chấp bồi thường thiệt hại do làm ô nhiễm môi trường”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 34/2019/DS-ST ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 229/2019 /QĐPT- DS ngày 10 tháng 12 năm 2019, quyết định hoãn phiên tòa số 458/2019/QĐ-PT ngày 30/12/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05 /2020/QĐ-PT ngày 17/1/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hoàng Tiến D, sinh năm 1964 (có mặt).

Nơi đăng ký thường trú: khu phố B2, phường L2, thành phố B1, Đồng Nai.

Địa chỉ tạm trú: ấp Qu, xã Ph1, huyện Nh, Đồng Nai.

2. Bị đơn: Công ty V.

Địa chỉ: Quốc lộ 51, xã Ph2, huyện L1, Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền:

+ Ông Hoàng Như V1, sinh năm 1960 (vắng mặt).

Địa chỉ: khu phố X2, phường Tr2, thành phố B1, Đồng Nai.

+ Ông Trần Văn Kh, sinh năm 1956 (có mặt).

Địa chỉ: đường H1, phường Qu1, thành phố B1, Đồng Nai (Văn bản ủy quyền ngày 20/11/2010).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1/ Ủy ban nhân dân tỉnh Đ.

Địa chỉ: đường Ng1, phường Th2, thành phố B1, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Võ Niệm T (văn bản số 6895/UBND-NC ngày 18/6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ).

3.2/ Hội nông dân tỉnh Đ.

Địa chỉ: đường H1, phường Qu1, thành phố B1, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Phước Đ1 – Chủ tịch Hội nông dân huyện Nhơn Trạch.

3.3/ Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1962.

3.4/ Bà Thái Thị Th, sinh năm 1968.

Cùng địa chỉ: khu phố B2, phường L2, thành phố B1, tỉnh Đồng Nai.

3.5/ Bà Tả Thị N, sinh năm 1954.

3.6/ Ông Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1947.

Địa chỉ: đường B3, phường Z3, quận B3, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Người kháng cáo: nguyên đơn ông Hoàng Tiến D

(Ông D, ông Kh có mặt; ông V1 có đơn xin vắng mặt; các đương sự khác không kháng cáo Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo án sơ thẩm nội dung vụ án được tóm tắt như sau:**

- Nguyên đơn ông Hoàng Tiến D trình bày:

Ông làm nghề nuôi tôm và đánh bắt thủy sản tại khu vực sông Th. Ông có 8 ao tôm, diện tích mặt nước khoảng 40.000m². Hai vụ tôm liên tiếp ngày 05/8/2007 và ngày 28/7/2008 bị thiệt hại nặng nề, tôm nuôi tỷ lệ sống rất thấp, chậm lớn, chết không rõ nguyên nhân. Cụ thể:

- Vụ 1: ngày 05/8/2007, ông D thả 3.000.000 con giống, thu hoạch được 8.200kg, bán giá 40.000đ/kg, thua lỗ 328.000.000đ.

- Vụ 2 ngày 28/7/2008, ông thả 3.000.000 con giống, thu hoạch được 9.100kg, bán giá 42.000đ/kg, thua lỗ 378.800.000đ.

Cả 02 vụ ông bị thua lỗ 706.800.000đ.

Ngày 13/9/2008, Cảnh sát môi trường bắt quả tang Công ty V (viết tắt là Công ty V) xả trộm nước thải độc hại là thủ phạm giết sông Th kéo dài đã 14 năm. Chính hành vi này của Công ty V đã gây thiệt hại nghiêm trọng đến môi trường thủy sản và tài sản của ông. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty V phải bồi thường cho ông số tiền 1.452.220.000đ.

Tại bản tự khai ngày 30/9/2010 và tại phiên tòa, ông D thay đổi yêu cầu khởi kiện, ông yêu cầu Công ty V bồi thường số tiền 706.800.000đ.

- Ông Trần Văn Kh là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty V trình bày:

Ngày 13/9/2008, đoàn kiểm tra liên ngành đã phát hiện Công ty V xả nước thải vượt tiêu chuẩn ra sông Th khiến nguồn nước bị ô nhiễm. Đến ngày 19/9/2008 và 01/10/2008, các cơ quan có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính và tiến hành xử phạt Công ty V. Công ty V không phải là công ty duy nhất xả thải ra sông Th. Tuy nhiên, do Công ty xả thải làm ô nhiễm môi trường, thông qua các báo cáo của Viện Môi trường – Tài nguyên và qua việc thuê chuyên gia kiểm tra lại mức độ ô nhiễm, Công ty đã chấp nhận giải quyết bồi thường thiệt hại cho những người dân sinh sống bằng nghề đánh bắt, nuôi trồng thủy sản dọc theo lưu vực sông Th. Quá trình giải quyết thiệt hại theo yêu cầu của các hộ dân, Công ty V đã đồng ý bồi thường thiệt hại tại Đồng Nai với số tiền 119.581.203.000đ, trong đó riêng 02 xã Long Thọ và Phước An thuộc huyện Nhơn Trạch là 88.839.775.000đ. Việc bồi thường thiệt hại đã được Công ty thực hiện xong thông qua Hội nông dân tỉnh Đ.

Công ty V không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Tiến D với lý do: ông D không cung cấp hồ sơ sở hữu, sử dụng tài sản hợp pháp; Không có đủ hồ sơ chứng minh giá trị đầu tư, giá trị thu nhập; Không có đủ căn cứ chứng minh thiệt hại. Số tiền bồi thường toàn bộ diện tích bị ô nhiễm do Công ty cổ phần hữu hạn Vedan gây ra đã được Công ty chuyển cho Hội nông dân giải quyết. Đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty V là ông Hoàng Như V1 thống nhất với các ý kiến trình bày của ông Trần Văn Kh và có đơn xin vắng mặt trong các buổi làm việc, hòa giải và xét xử.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Tr trình bày:

Ngày 15/02/2007, ông và ông D ký hợp đồng thuê quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Thanh T1 diện tích 28.491m² thuộc thửa 142 và 25.311m² thuộc thửa đất số 141, tờ bản đồ số 24 xã Phước An. Thời hạn thuê từ ngày 15/02/2007 đến 15/02/2012 với giá thuê là 105.000.000đ/thửa/05 năm, mục đích thuê để nuôi tôm công nghiệp. Do ông không có kinh nghiệm, kiến thức nuôi tôm nên ông chỉ góp vốn là 49%, ông D góp 51%. Quá trình hợp tác làm ăn, ông đã đưa cho ông D nhiều lần tiền nhưng không nhớ bao nhiêu và chưa bao giờ có lãi. Hai bên hợp tác từ năm 2007, đến năm 2014 thì chấm dứt. Ông được ông D báo bị thiệt hại, ông đã đến trực tiếp xem xét thì thấy nguồn nước bị ô nhiễm do Công ty V gây ra. Còn số

tiền cụ thể bị thiệt hại thì ông D là người nắm rõ vì ông D là người trực tiếp nuôi trồng, mua con giống, bán sản phẩm. Trong tổng số thiệt hại 2 vụ do Công ty V xả thải gây ra mà ông D yêu cầu bồi thường 706.800.000đ thì 49% là của ông, tương đương 346.332.000đ. Ông yêu cầu Công ty V phải bồi thường cho ông số tiền này.

Tại Biên bản đối chất ngày 12/10/2017, ông Tr xác định sau 01 năm canh tác, ông D đã trả cho ông Tr 300.000.000đ là số vốn bỏ ra nên toàn bộ thiệt hại 706.800.000đ là của ông D, không liên quan đến ông, ông đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại đơn xin vắng mặt ngày 01/11/2017, bà Thái Thị Th là vợ của ông Nguyễn Văn Tr cũng thống nhất với ý kiến của ông Tr. Ông Tr và bà Th có đơn xin vắng mặt trong các buổi làm việc, phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và các phiên tòa xét xử.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh T1 trình bày:

Vợ chồng ông là người sử dụng diện tích đất 25.311m² thuộc thửa số 141, tờ bản đồ số 24 xã Phước An và diện tích đất 28.491m² thuộc thửa đất số 142, tờ bản đồ số 24 xã Phước An. Ngày 15/02/2007, ông ký hợp đồng cho ông Hoàng Tiến D và ông Nguyễn Văn Tr thuê diện tích đất của 02 thửa đất nêu trên, thời hạn là 05 năm, đến ngày 15/02/2012 thì hết hạn hợp đồng, giá thuê là 105.000.000 đ/01 thửa/05 năm, tổng số tiền thuê là 210.000.000 đ/02 thửa/05 năm. Mục đích ông D, ông Tr thuê là để nuôi tôm.

Hiện hai 02 thửa đất trên đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên vợ chồng ông (Tả Thị N, Nguyễn Thanh T1). Vào khoảng năm 2010, ông có nghe nói là chính quyền địa phương có thông báo ai bị thiệt hại do Công ty V gây ra thì làm đơn nộp cho xã. Tuy nhiên, do ông đã cho ông D, ông Tr thuê nên ông không liên hệ với UBND xã Phước An để được bồi thường và vợ chồng ông cũng chưa nộp bất kỳ giấy tờ, tài liệu gì yêu cầu bồi thường, cũng như chưa nhận tiền bồi thường. Ông đề nghị giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, vợ chồng ông không có thiệt hại gì nên không có yêu cầu gì khác.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tả Thị N trình bày:

Bà đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và thông báo về nội dung vụ án. Bà hoàn toàn nhất trí với lời trình bày của ông Nguyễn Thanh T1 – chồng bà, bà không bổ sung, yêu cầu gì thêm.

-Tại văn bản số 228/CV-TTr ngày 04/5/2018, người đại diện theo ủy quyền của UBND tỉnh Đồng Nai, bà Võ Niệm T có ý kiến:

Liên quan đến việc một số hộ dân khởi kiện Công ty V, ngày 21/6/2010 Ủy ban nhân dân tỉnh Đ đã có văn bản số 4901/UBND-CNN về việc bồi thường thiệt hại về kinh tế cho nhân dân 02 huyện Long Thành, Nhơn Trạch do hành vi ô nhiễm gây ra.

-Hội nông dân tỉnh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do và không có lời khai trong hồ sơ.

- Tại bản án dân sự sơ thẩm số 34/2019/DS-ST ngày 11/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành đã áp dụng điểm a, khoản 1 Điều 35; Điều 159 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 157, 203, 220, 227, 228, 235, 264, 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 604, 607, 608, 624 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688, 689 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Tiến D đối với Công ty V về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do làm ô nhiễm môi trường.

Về chi phí tố tụng: Ông D phải nộp 4.941.980đ (đã nộp đủ).

Về án phí: Ông D phải nộp 16.136.000đ, được trừ vào 200.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004606 ngày 11/8/2010 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành. Ông D còn phải nộp 15.936.000đ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 23/7/0019, ông Hoàng Tiến D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, ông đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai sửa bản án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa ông D giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- *Quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa:*

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về kháng cáo của ông D:

Qua các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện các ao tôm của ông D không nằm trong vùng bị thiệt hại do chất xả thải của Công ty V gây ra. Ông D không cung cấp được tài liệu làm căn cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, do vậy không có căn cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông D về việc buộc Công ty V bồi thường cho ông số tiền 706.800.000 đồng. do vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Tiến D, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Kháng cáo của ông Hoàng Tiến D thực hiện trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng và đầy đủ quan hệ pháp luật, tư cách tố tụng của đương sự trong vụ án.

[2] Xét kháng cáo của ông Hoàng Tiến D về việc yêu cầu Công ty V bồi thường thiệt hại cho ông số tiền 706.800.000đ do làm ô nhiễm môi trường.

[2.1] Ngày 13/9/2008, Cảnh sát môi trường bắt quả tang Công ty V xả nước thải độc hại ra sông Th kéo. Ngày 18/6/2010, Viện Môi trường và Tài nguyên ban hành Báo cáo số 73/VMT-TN/KHCN báo cáo kết quả đánh giá thiệt hại về kinh tế (nuôi trồng, đánh bắt thủy sản) trên địa bàn tỉnh Đồng Nai do hành vi gây ô nhiễm của Công ty V.

Kết quả nghiên cứu đã phân vùng mức độ ô nhiễm trên lưu vực sông Th ra thành 03 vùng theo tiêu chí phân vùng tại Điều 92 của Luật Bảo vệ môi trường gồm: Vùng ô nhiễm đặc biệt nghiêm trọng, Vùng ô nhiễm nghiêm trọng, Vùng ô nhiễm. Kèm theo báo cáo là bản đồ phân vùng ô nhiễm. Đồng thời, báo cáo đã phân tích, đánh giá để đưa ra kết luận xác định tổng số tiền mà Công ty V phải chi trả cho các hộ dân nuôi trồng và đánh bắt thủy sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai là 119.581.203.000đ, trong đó bồi thường cho nhân dân 02 xã Long Thọ, Phước An thuộc huyện Nhơn Trạch bị thiệt hại là 88.839.775.000đ. Việc bồi thường đã được Công ty V bồi thường xong thông qua Hội nông dân tỉnh Đ, Hội nông dân huyện Nhơn Trạch và Hội nông dân huyện Long Thành.

[2.2] Về yêu cầu của ông D đối với Công ty V và các tài liệu chứng cứ thu thập được

Việc ông Hoàng Tiến D và ông Nguyễn Văn Tr ký hợp đồng thuê đất của ông Nguyễn Thanh T1 thuộc thửa số 142 và thửa số 141, tờ bản đồ số 24 xã Phước An huyện Long Thành để nuôi tôm công nghiệp là có thật. Song qua quá trình thu thập chứng cứ, các cơ quan có thẩm quyền có văn bản xác nhận hộ ông D không nằm trong vùng bị thiệt hại do ô nhiễm sông Th như: văn bản số 1356/TTKTĐCND-PKT ngày 19/10/2018 của Trung tâm kỹ thuật địa chính nhà đất tỉnh Đồng Nai xác định các thửa đất số 141, 142 tờ bản đồ địa chính xã Phước An (bản đồ địa chính mới là thửa 77 tờ 81, thửa 09, 10 tờ 102) không nằm trong vùng ô nhiễm khu vực sông Th (theo Bản đồ địa chính khu đất phân vùng ô nhiễm khu vực sông Th thành lập năm 2010); văn bản số 2078/STNMT-TTr ngày 04/6/2013 của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai xác định hộ ông Hoàng Tiến D ấp Quới Thạnh, xã Phước An không nằm trong vùng ô nhiễm theo đánh giá của Viện Tài nguyên và Môi trường – Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh; văn bản số 217/CV-HND ngày 11/9/2017 của Hội nông dân huyện Nhơn Trạch xác định: *“hai thửa đất trên không nằm trong diện ô nhiễm môi trường do Công ty V gây ra, được thông qua bản đồ của Viện Tài nguyên Môi trường phía Nam cung cấp năm 2010. Qua đó, hộ ông Hoàng Tiến D sinh năm 1964 cư ngụ tại ấp Quới Thạnh, xã Phước*

An không nằm trong danh sách nhận tiền bồi thường thiệt hại do Công ty V gây ra”.

[2.3] Các chứng từ liên quan đến vụ nuôi tôm vào tháng 5/2007 và tháng 8/2007 mà ông D cung cấp đều không phù hợp về thời gian nuôi tôm. Cụ thể như: trong như: hóa đơn mua tôm giống, mua cám của Đại lý thức ăn gia súc Long Hương; giấy xác nhận mua xăng dầu của Doanh nghiệp tư nhân xăng dầu Trần Quang Vinh; các giấy tờ ghi chép việc thu hoạch các ao tôm. Ngoài giấy xác nhận của Doanh nghiệp tư nhân xăng dầu Trần Quang V2 là bản chính thì các tài liệu, chứng cứ khác do ông D cung cấp đều là bản photo. Mặt khác rất nhiều các hóa đơn mua cám mà ông D cung cấp cho Tòa án là năm 2008 và 2009 chứ không phải năm 2007; việc thu, chi trong quá trình nuôi tôm là do ông D tự ghi chép và không phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ. Từ những nhận định trên cho thấy thửa đất ông D nuôi tôm không nằm trong bản đồ xác định bị thiệt hại do Công ty V gây ra do xả thải làm ô nhiễm môi trường; ông D cũng không có đơn đề nghị Hội Nông dân huyện hoặc tỉnh để yêu cầu xác định thiệt hại và bồi thường nên không có tên trong danh sách của Hội; quá trình thu thập chứng cứ ông D cũng không có tài liệu chứng minh mình bị thiệt hại trong 2 vụ nuôi tôm trên. Tại Điều 79 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định *“Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải đưa ra được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp”*... Do vậy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông D về việc buộc Công ty V bồi thường cho ông số tiền 706.800.000đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

[3]. Về án phí, chi phí tố tụng

[3.1] Về án phí

+ Án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của ông D không được chấp nhận nên ông phải chịu án phí có giá ngạch là 32.272.000đ (cụ thể: 20.000.000đ + (306.800.000đ x 4%). Tuy nhiên, do ông D có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có đơn xin miễn giảm tiền tạm ứng án phí, án phí có xác nhận của UBND xã Ph1. Căn cứ Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử giảm 50% án phí cho ông D, Ông D còn phải nộp 16.136.000đ án phí sơ thẩm.

+ Án phí phúc thẩm: Kháng cáo của ông D không được chấp nhận nên ông D phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng.

[3.2] Về chi phí tố tụng: Ông D phải chịu chi phí tố tụng là 4.941.980đ, ông D đã nộp và quyết toán xong.

[4] Quan điểm và đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 308, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Không chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Tiến D, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 34/2019/DS-ST ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành

- Áp dụng Điều 79 Bộ luật dân sự năm 2005; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Điều 13, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Phần tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Tiến D đối với Công ty V về việc bồi thường thiệt hại số tiền 706.800.000 đồng do làm ô nhiễm môi trường.

2. Về án phí, chi phí tố tụng

2.1 Về án phí

- Án phí sơ thẩm: Ông Hoàng Tiến D phải chịu 16.136.000đ (mười sáu triệu một trăm ba mươi sáu ngàn đồng) án phí sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 200.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004606 ngày 11/8/2010 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, Ông D còn phải nộp tiếp số tiền 15.936.000đ (mười lăm triệu chín trăm ba mươi sáu ngàn đồng) án phí.

+ Án phí phúc thẩm: Ông Hoàng Tiến D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005308 ngày 23/7/2019 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành

2.2. Về chi phí tố tụng: Ông D phải chịu chi phí tố tụng là 4.941.980đ, ông D đã nộp và quyết toán xong.

3. Nghĩa vụ chậm thi hành án

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong khoản tiền án phí, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai (1);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- VKSND huyện Long Thành(1);
- TAND huyện Long Thành (2);
- Chi cục THADS huyện Long Thành (1);
- Đương sự(5);
- Tòa Dân sự(1);
- Lưu hồ sơ vụ án(1);
- Lưu trữ (1)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký tên và đóng dấu)

Bùi Kim Rết